

Bản án số: 148/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Đăng Lý

+ Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 30/7/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 11/TB-TA ngày 06/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phùng Ngọc S- sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H - sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phùng Ngọc S trình bày: Năm 2007, ông và bà Nguyễn Thị Bích H kết hôn do hai bên tự nguyện. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu khoảng một năm, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2007 tại UBND xã Ph.

Trong quá trình chung sống do tập quán địa phương và công việc khác nhau nên bà H sống khép mình, không hòa hợp với gia đình chồng, không tham gia vào các công việc chung của gia đình. Ông đã khuyên bảo nhiều nhưng bà H không sửa chữa, dẫn đến mâu

thuần giữa bà H với ông và gia đình nhà ông. Càng ngày mâu thuẫn càng nặng nề hơn, bà H sáng đi làm sớm đến 19- 20 giờ tối mới về và nấu cơm ăn riêng. Ông khuyên bảo bà H thay đổi cách sống, cách làm việc nhưng bà H không thay đổi. Ông cũng đã mời gia đình nhà ngoại cùng Ban hòa giải của thôn đến can thiệp hòa giải nhưng bà H không thay đổi. Thời gian hai năm nay tuy sống chung nhà nhưng ông và bà H ly thân, không ăn chung, không quan hệ vợ chồng nữa. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có hai con chung là Phùng Minh T- sinh ngày 19/11/2007 và cháu Phùng Thị Hà Ph- sinh ngày 13/10/2011. Nguyên vọng của ông xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay ông đang làm quản lý doanh nghiệp thuê, thu nhập bình quân khoảng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng, đủ nuôi con ăn học.

Về tài sản, công nợ chung: Ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 08/6/2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Tháng 01 năm 2007, bà đã đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới với ông Phùng Ngọc S.

Quá trình chung sống, bà luôn hết lòng vì chồng, con và gia đình chồng. Gần như mọi việc chăm sóc, học hành của hai con là do bà đảm nhiệm để ông S làm kinh tế. Bà cũng đã hai lần dùng tiền lương dạy học của bà để thế chấp vay tiền ngân hàng và vay tiền anh chị em ruột của bà cho ông S lấy vốn làm kinh tế. Tuy nhiên trong quá trình chung sống rất nhiều lần ông S chửi bà, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà, có lần đánh bà. Chỉ vì thương các con mà bà đã chịu đựng nhiều năm nay.

Do ông S xác định không còn tình cảm yêu thương bà nữa nên bà cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông S. Nhưng do hiện nay các con bà còn nhỏ nên bà không muốn vợ chồng ly hôn để các con phải sống có bố không có mẹ hoặc ngược lại. Bà muốn cả hai con cùng được sống chung với bố mẹ cho đến khi các con trưởng thành. Trường hợp ông S kiên quyết xin ly hôn mà Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà và ông S có hai con chung là Phùng Minh T- sinh ngày 19/11/2007 và cháu Phùng Thị Hà Ph- sinh ngày 13/10/2011. Nếu vợ chồng ly hôn, bà đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu và giao hai cháu cho bà nuôi dưỡng để bà quản lý chăm sóc các cháu học tập. Do ông S cũng muốn nuôi con nên bà đề nghị nếu giao con cho ông S hoặc bà nuôi thì nên giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng để các cháu không phải sống xa nhau. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà đang là giáo viên dạy học, thu nhập tiền lương hiện nay là 7.000.000 đồng/ tháng. Ngoài ra hàng tháng bà dạy học ngoài giờ và có thu nhập bình quân mỗi tháng 2.000.000 đồng; Bà còn tham gia bán bảo hiểm có thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/ tháng. Vậy, tổng thu nhập của bà khoảng 19.000.000 đồng / tháng.

Về tài sản: Bà đề nghị Tòa án nếu giải quyết ly hôn giữa bà với ông S thì phải giải quyết phân chia tài sản, gồm các tài sản sau:

Năm 2010 ông S và bố mẹ ông S có yêu cầu bà cùng ký hợp đồng để vay số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) tại Ngân hàng. Bà không biết số tiền này ông S và bố mẹ ông S sử dụng vào việc gì và trả nợ bằng nguồn nào, nhưng sau khi vay số tiền trên thì bà có thấy bố mẹ ông S tiến hành làm một ngôi nhà bằng gỗ kê chuyen. Thời điểm làm nhà thì bà không được tham gia bàn bạc nhưng bà có nghe mọi người nói lại là bố mẹ ông S có bán đất nông nghiệp, nhưng tiền bán đất được bao nhiêu và sử dụng vào việc gì thì bà không biết.

Do vậy, bà yêu cầu ông S và gia đình ông S phải xem xét trả phần công sức của bà trong việc làm nhà.

Năm 2013 ông S bảo bà ký một hợp đồng để vay số tiền 100.000.000 đồng tại Agribank Thạch Thất, thế chấp bằng sổ lương của bà để cho ông S lấy tiền làm ăn. Hàng tháng ngân hàng trừ tiền lương của bà để thanh toán cho khoản vay. Đến năm 2016 thì trả hết nợ.

Năm 2016 sau khi trả hết khoản nợ năm 2013 thì ông S lại tiếp tục bảo bà ký một hợp đồng vay số tiền 120.000.000 đồng tại Agribank Thạch Thất thế chấp bằng sổ lương của bà để cho ông S lấy tiền làm kinh doanh. Hàng tháng ngân hàng trừ tiền lương của bà để thanh toán cho khoản vay. Thời hạn thanh toán cuối cùng của khoản vay này là năm 2021. Nhưng đến năm 2019 chỉ còn nợ lại 28.000.000 đồng nên ông S đã đưa cho bà để trả hết nợ cho Ngân hàng.

Cả hai khoản tiền vay trên đều do ông S sử dụng để làm kinh tế nên bà không biết ông S sử dụng vào việc gì.

Trong thời gian qua ông S có mở một công ty để kinh doanh, nhưng do ông S không nói cho bà biết nên bà không cung cấp được cho Tòa án là ông S mở công ty tên gọi là gì; ông S mở công ty một mình hay chung vốn với những ai thì bà cũng không biết; Công ty của ông S kinh doanh mặt hàng gì, hoạt động như thế nào thì bà không biết; Bà cũng không biết trụ sở công ty của ông S được đặt ở đâu.

Bà đề nghị Tòa án điều tra xác minh về hoạt động công ty của ông S để xem xét phần công sức của bà trong phần tài sản của ông S trong công ty.

Về công nợ chung: Hiện nay bà và ông S không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/6/2021, Tòa án có giải thích và gia hạn cho bà trong thời hạn 10 ngày nếu yêu cầu Tòa án chia tài sản thì phải làm đơn yêu cầu và nộp tài liệu chứng cứ nhưng bà chưa làm đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phùng Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phùng Minh T- sinh ngày 19/11/2007 cho ông Phùng Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Phùng Thị Hà Ph- sinh ngày 13/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông S và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho ông S và bà H đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản, công nợ: là ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà H đề nghị Tòa án chia tài sản, đã được Tòa án giải thích làm đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật và nộp tài liệu chứng cứ kèm theo nhưng đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà H vẫn không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản khi ly hôn. Do vậy, cần tách yêu cầu chia tài sản của bà H để giải quyết riêng thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn nếu bà H tiếp tục có yêu cầu và nộp đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích H có hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại xã Ph, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên ông Phùng Ngọc S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về hôn nhân: Ông Phùng Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích H kết hôn tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph ngày 03/01/2007, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, do vợ chồng không hợp nhau, làm ăn kinh tế sa sút nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian hai năm nay ông S và bà H tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng ly thân, không quan hệ tình cảm, không ăn chung. Ông S xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin được ly hôn bà H. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì các con còn nhỏ nên bà H chưa muốn giải quyết ly hôn. Bà H muốn được tiếp tục sống như hiện tại để cho các con được sống chung một nhà cho đến khi các con trưởng thành.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà H đã trầm trọng, mâu thuẫn xảy ra nhiều năm rồi nhưng ông S và bà H cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng mà ngày càng mâu thuẫn căng thẳng hơn, vợ chồng không nói chuyện được với

nhau, không làm kinh tế chung, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, ông S xin ly hôn bà H là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]- Về nuôi con chung: Ông S và bà H có hai con chung là Phùng Minh T- sinh ngày 19/11/2007 và cháu Phùng Thị Hà Ph- sinh ngày 13/10/2011. Ông S và bà H đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Nguyện vọng của cháu T và cháu Ph đều muốn được sống chung với bà H.

Xét nguyện vọng nuôi con của ông S, bà H cũng như ý kiến của cháu T và cháu Ph, thấy rằng: Từ trước đến nay ông S bà H và các con đều sống chung nhà với bố mẹ của ông S, đất nhà ổn định. Sau khi ly hôn thì bà H chưa có nhà đất để sinh sống, phải đi thuê nhà, nếu giao cả hai con cho bà H nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo về chỗ ở sinh hoạt của các cháu. Về điều kiện thu nhập tại thời điểm hiện tại thì cả ông S và bà H đều đủ điều kiện nuôi con ăn học. Do vậy, để bảo đảm cuộc sống, học tập ổn định của các cháu thì phải giao cho ông S và bà H mỗi người nuôi một cháu và giao cháu T cho ông S nuôi dưỡng; cháu Ph là con gái cần phải có sự chăm sóc, gần gũi của mẹ nhiều hơn nên được giao cho bà H nuôi dưỡng.

Ông S và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông S và bà H đều có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho ông S và bà H đến khi có quyết định thay đổi khác.

[4]- Về chia tài sản chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà H có ý kiến đề nghị Tòa án nếu ông S muốn ly hôn thì phải giải quyết chia tài sản công sức của bà H trong việc làm nhà của gia đình và cổ phần của ông S trong công ty. Nhận thấy yêu cầu của bà H thuộc trường hợp yêu cầu phản tố theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn....có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác hơn và nhanh hơn*”.

Tòa án đã giải thích và hướng dẫn bà H làm đơn yêu cầu chia tài sản để Tòa án có căn cứ ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và thụ lý yêu cầu của bà H để xem xét xét giải quyết nhưng bà H không làm đơn và cũng không nộp tài liệu chứng cứ. Tại Biên bản làm việc ngày 18/6/2021, Tòa án đã gia hạn cho bà H “*Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 18/6/2021 nếu yêu cầu Tòa án phân chia tài sản thì phải nộp đơn phản tố như đã được Tòa án hướng dẫn. Hết thời hạn 10 ngày nêu trên nếu bà H không nộp đơn phản tố thì coi như bà H từ bỏ yêu cầu phân chia tài sản và Tòa án chỉ giải quyết việc ly hôn theo đơn khởi kiện của ông S. Về phần tài sản thì bà H có thể khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác*”. Hết thời hạn trên, ngày 06/7/2021 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn không nộp đơn yêu cầu chia tài sản. Căn cứ Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không giải quyết yêu cầu chia tài sản của bà H trong vụ án ly hôn này. Sau này nếu bà H tiếp tục yêu cầu chia tài sản chung của bà H với ông S thì được giải bằng vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5]- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Phùng Ngọc S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

[6]- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 200, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phùng Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích H.

2. Về nuôi con chung: Ông Phùng Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích H thống nhất có hai con chung là Phùng Minh T- sinh ngày 19/11/2007 và Phùng Thị Hà Ph- sinh ngày 13/10/2011.

Giao con chung là Phùng Minh T- sinh ngày 19/11/2007 cho ông Phùng Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung là Phùng Thị Hà Ph- sinh ngày 13/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông S và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho ông S và bà H đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về chia tài sản chung: Ông Phùng Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị Bích H trong vụ án ly hôn này, do bà H không nộp đơn yêu cầu chia tài sản và tài liệu chứng cứ. Bà Nguyễn Thị Bích H được quyền nộp lại đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Ông Phùng Ngọc S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất theo biên lai số 0025010 ngày 07/4/2021.

5. Về quyền kháng: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Ph;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn

